CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư MST

Ngày 30/09/2025	5,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.7%	**5.9%**	**-4.0%**

DT thuần
Q3/25
384
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.0| 4.5%
YoY: ▲ 110| 40.0%

LN thuần
Q3/25
4.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.29| 40.3%
YoY: ▼2.27| -33.6%

LN sau thuế
Q3/25
5.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90| 56.3%
YoY: ▲ 0.09| 1.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.7%
YoY: +/-▼ 17.6%

ROE (TTM)
Q3/25
2.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

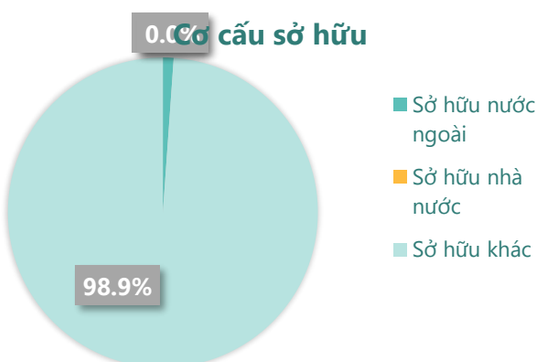
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,559 - 6,747
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	468
Số lượng CPLH (CP)	83,604,220
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,925,025
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	1.34
EPS	255
P/E	22.0

DT thuần
9T 2025
1,115
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 256| 29.7%

LN thuần
9T 2025
15.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.70| 30.4%

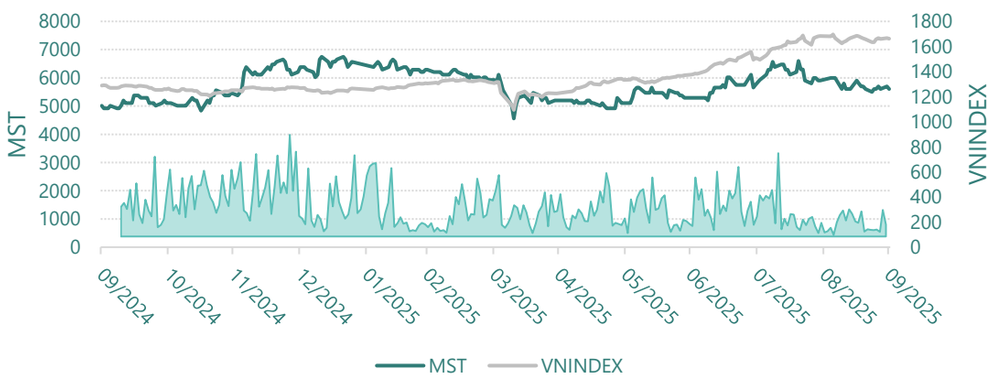
LN sau thuế
9T 2025
15.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.20| 35.4%

Cơ cấu sở hữu

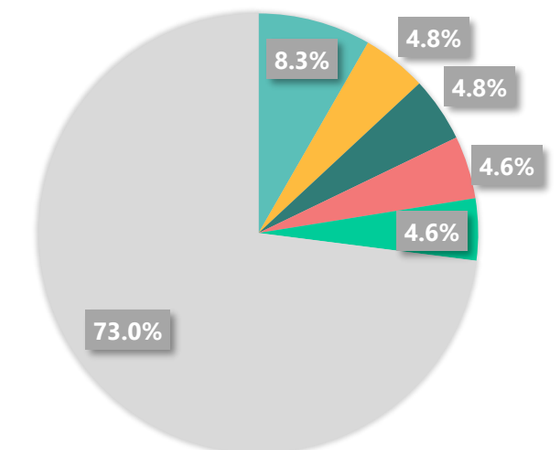


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



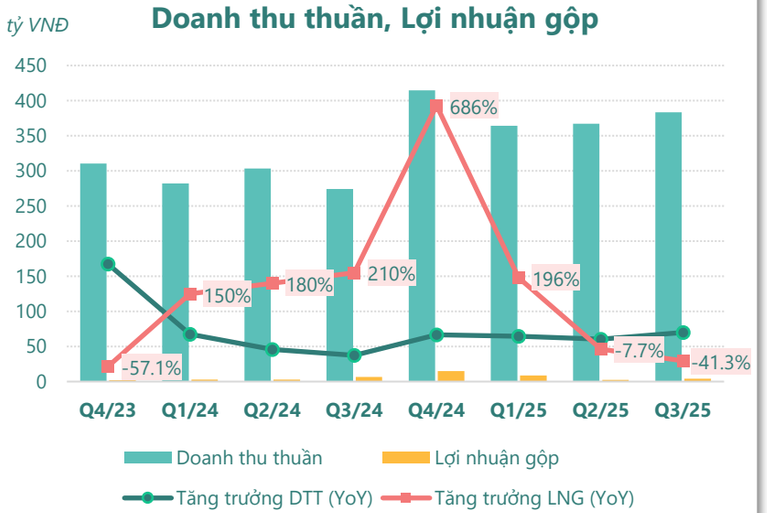
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

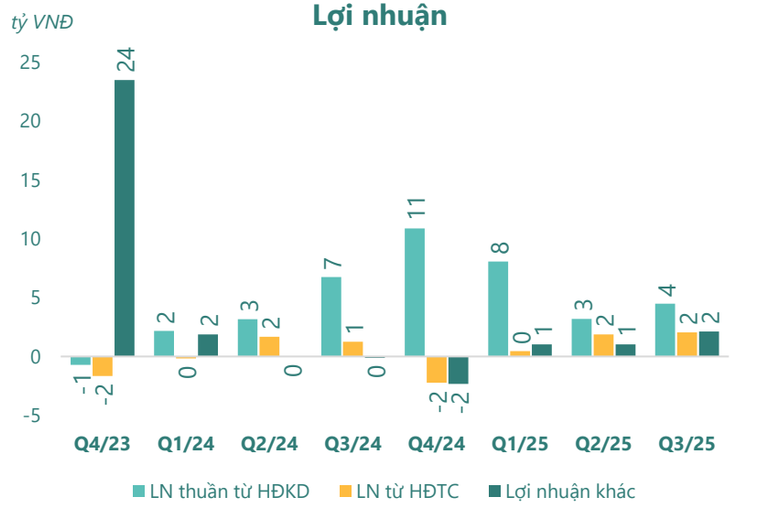
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



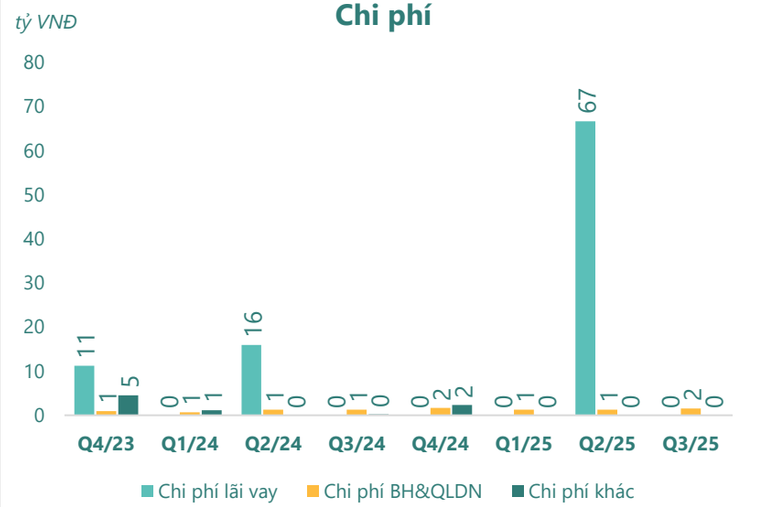
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



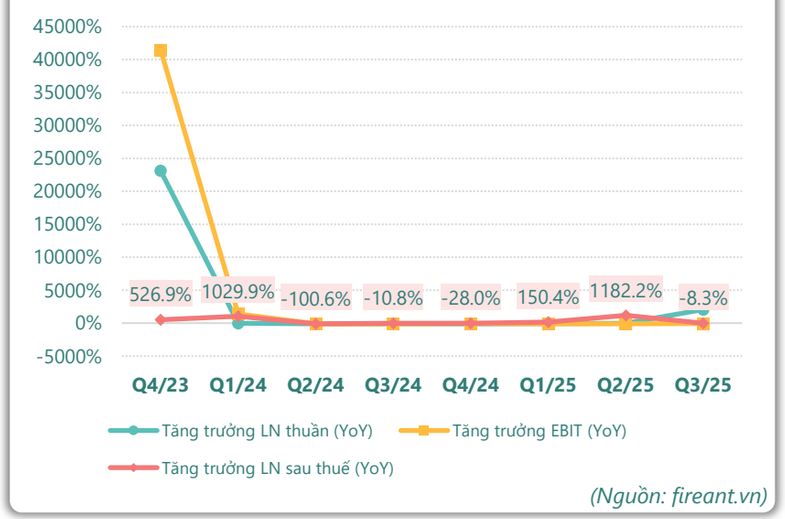
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



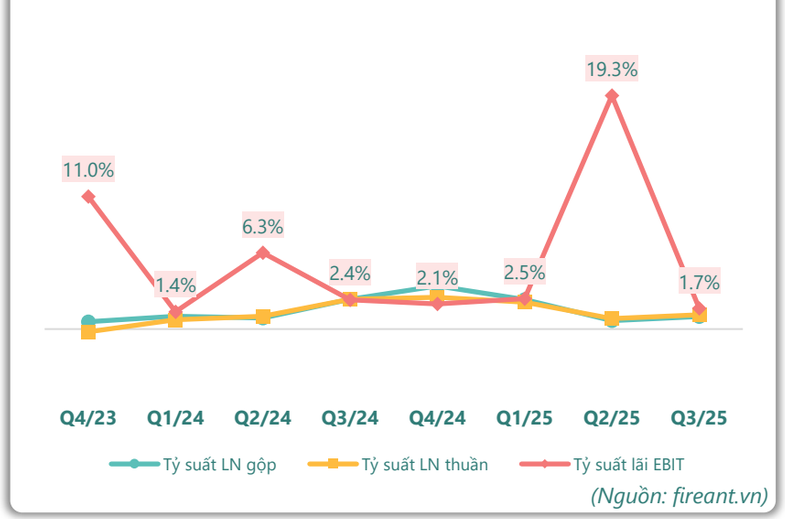
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



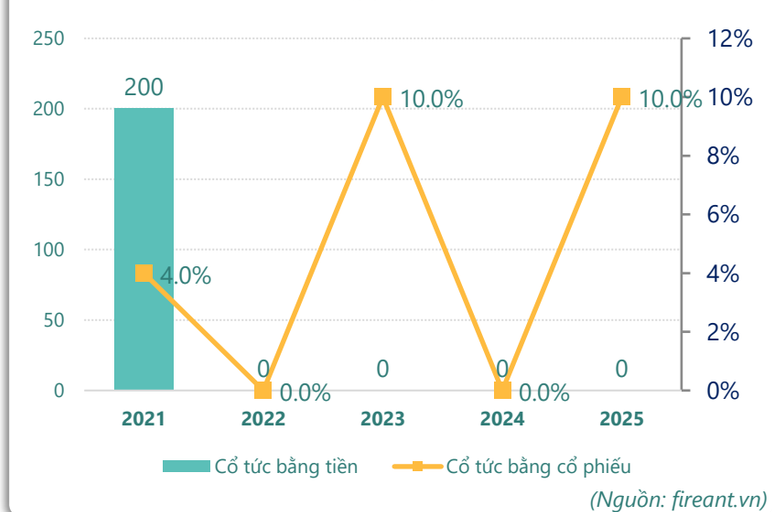
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

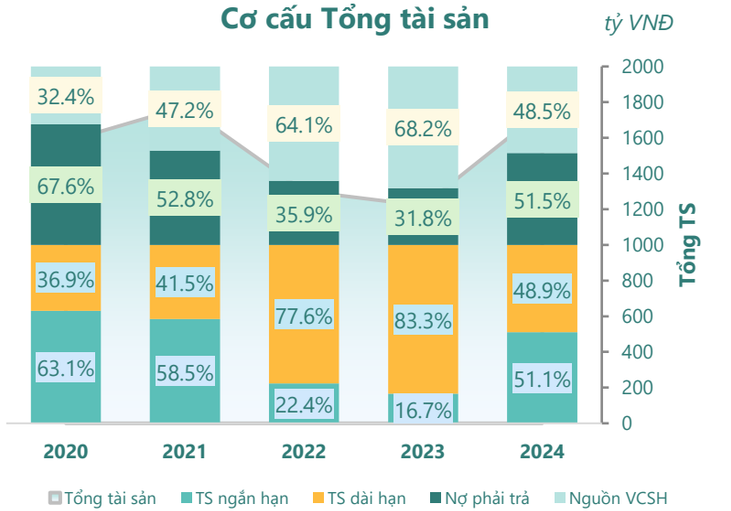
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

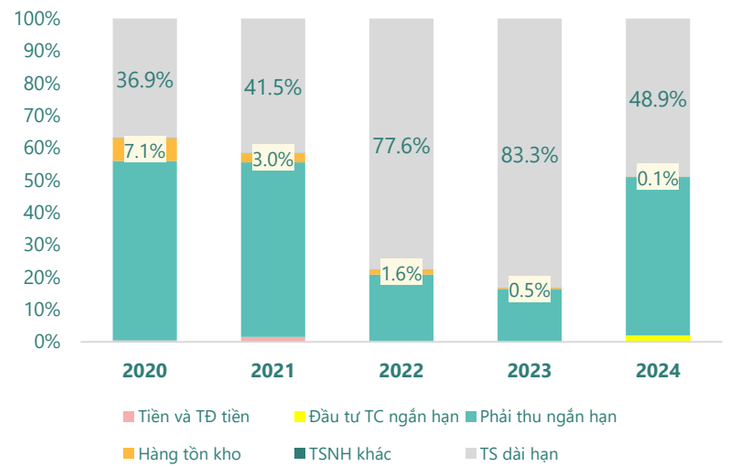
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



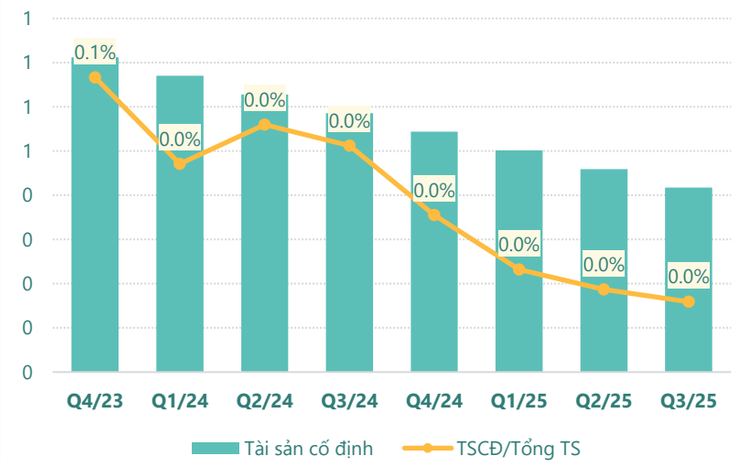
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



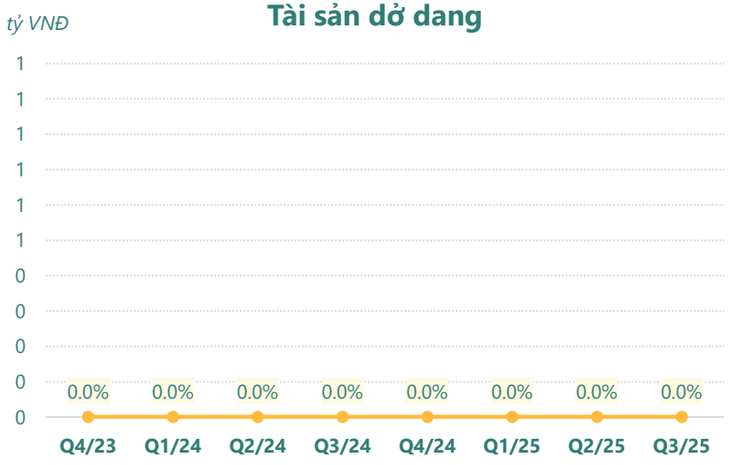
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



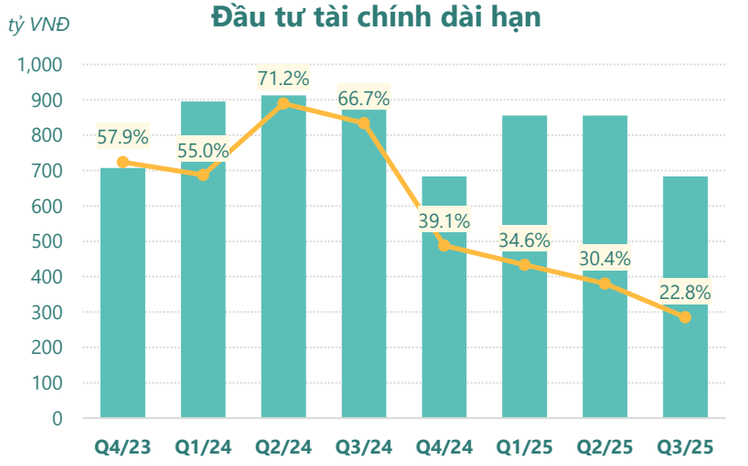
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



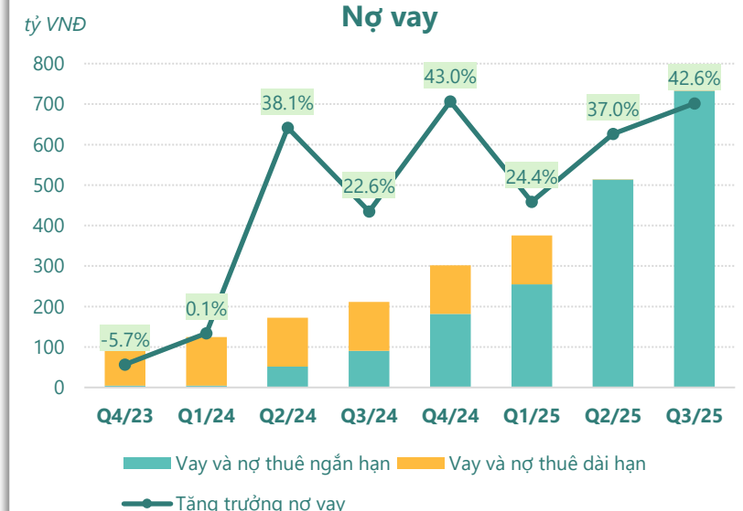
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

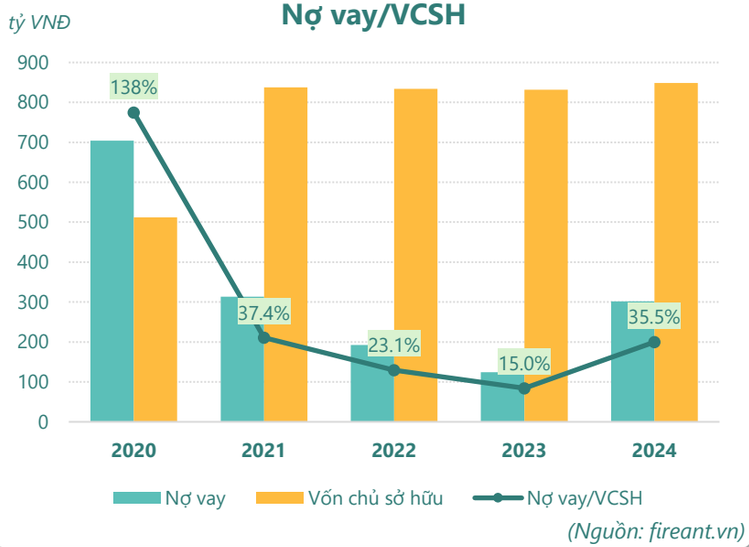
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

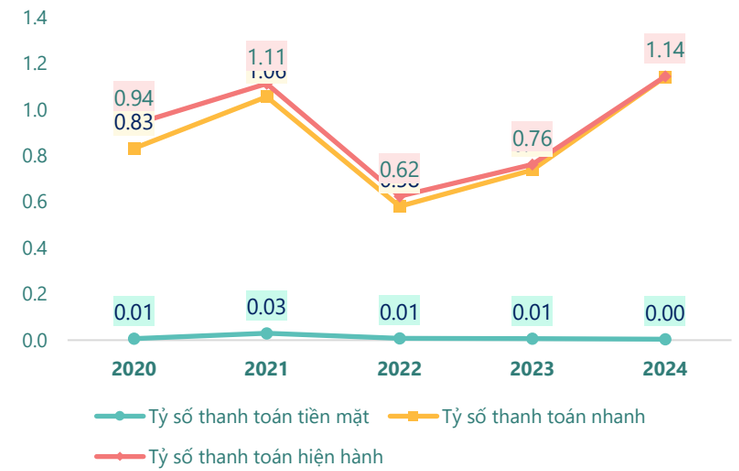
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



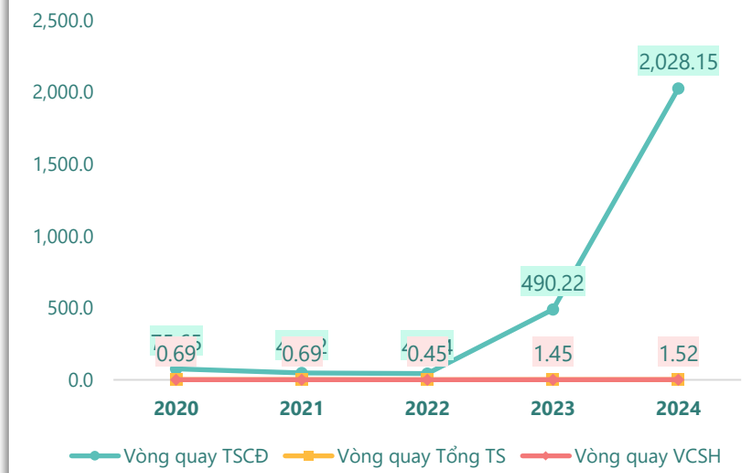
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



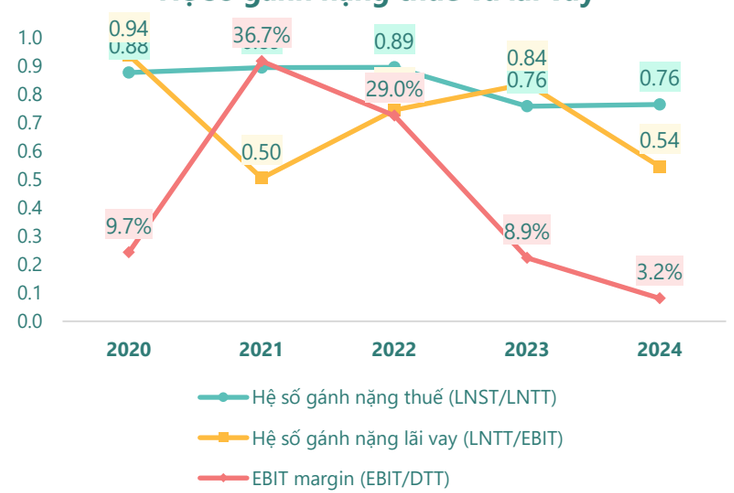
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



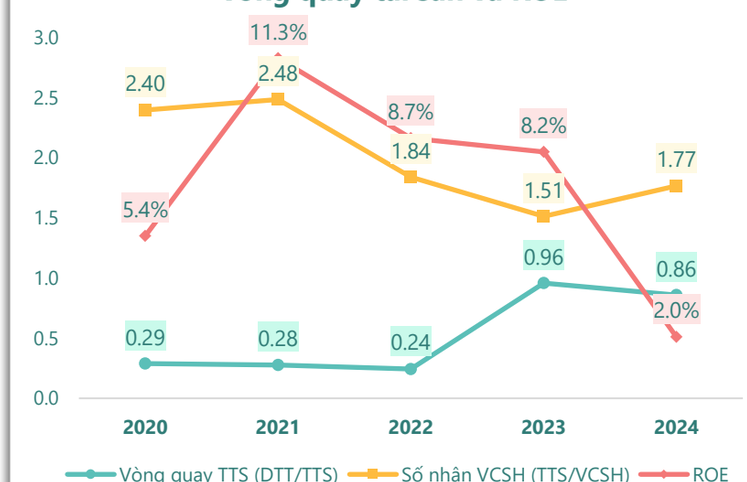
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



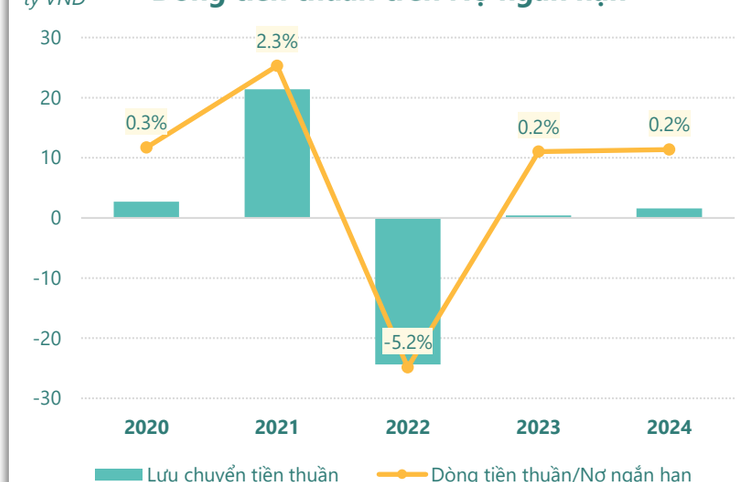
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**384**	**274**	**40.0%**	**1,115**	**859**	**29.7%**
Giá vốn hàng bán	380	267	42.1%	1,100	847	29.8%
Lợi nhuận gộp	3.97	6.77	-41.3%	15.4	12.6	23.0%
Doanh thu HĐTC	8.18	5.63	45.3%	77.2	23.1	234%
Chi phí TC	6.12	4.39	39.5%	72.8	20.3	258%
Chi phí lãi vay	0	0.00		66.7	16.0	318%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.04	0	
Chi phí QLDN	**1.54**	**1.26**	**22.0%**	**4.03**	**3.22**	**25.4%**
LN thuần từ HĐKD	4.49	6.76	-33.6%	15.8	12.1	30.4%
Lợi nhuận khác	**2.11**	**-0.11**	**2022%**	**4.18**	**1.77**	**137%**
LN trước thuế	6.60	6.64	-0.5%	19.9	13.9	43.9%
Lợi nhuận sau thuế	**5.27**	**5.18**	**1.7%**	**15.9**	**11.7**	**35.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.27**	**5.18**	**1.7%**	**15.9**	**11.7**	**35.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	78.7	-105	-58.8	400	151	-27.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-88.4	27.3	-30.0	-472	-289	-188
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.58	76.9	90.7	73.7	139	219
Tiền đầu kỳ	1.89	1.77	1.40	3.23	4.63	5.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.12**	**-0.36**	**1.82**	**1.40**	**0.53**	**3.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.77	1.40	3.23	4.63	5.16	8.42

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,998**	**1,751**	**71.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,314	894	159%
Tiền và tương đương tiền	8.42	3.23	161%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	754	31.0	2330%
Phải thu ngắn hạn	1,491	858	73.8%
Hàng tồn kho	59.5	1.43	4065%
Tài sản ngắn hạn khác	1.78	0.74	141%
Tài sản dài hạn	**684**	**856**	**-20.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.42	0.54	-23.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	684	856	-20.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.02**	**-29.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,134	902	137%
Nợ ngắn hạn	**936**	**782**	**19.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	733	181	304%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	155	-21.7%
Nợ dài hạn	1,198	120	896%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.18	120	-99.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**865**	**849**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**865**	**849**	**1.9%**
Vốn điều lệ	836	760	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)